

**KẾ HOẠCH**  
**Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020**

Thực hiện Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng; Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020; Nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho lao động nông thôn (LĐNT), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020 với nội dung như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

a) Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho LĐNT; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, trong đó, tập trung đào tạo nghề phi nông nghiệp cho LĐNT đủ trình độ, năng lực vào làm việc tại các doanh nghiệp và xuất khẩu lao động.

b) Đào tạo nghề cho LĐNT phải gắn việc xây dựng nông thôn mới với việc ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và yêu cầu tái cấu trúc ngành nông nghiệp; các nghề phi nông nghiệp phải xuất phát từ quy hoạch sản xuất công nghiệp, dịch vụ, quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhu cầu sử dụng lao động theo vị trí làm việc của doanh nghiệp.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đào tạo nghề cho khoảng 2.800 LĐNT, trong đó người học nghề phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ đạt 77% và người học nghề nông nghiệp chiếm tỷ lệ đạt 23%.

b) Tỷ lệ LĐNT có việc làm sau khi tốt nghiệp là 70%.

c) Đào tạo cho trên 250 lượt cán bộ, công chức xã.

**II. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, NGHỀ ĐÀO TẠO**

**1. Đối tượng đào tạo**

LĐNT từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), đến 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

a) Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã;

b) Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp, đất kinh doanh bị thu hồi; lao động nữ bị mất việc làm;

c) Người khuyết tật (nông thôn và thành thị).

**2. Nghề đào tạo**

a) Nghề nông nghiệp:

- Ngành nghề về kỹ thuật, công nghệ ứng dụng và quản lý sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề nuôi trồng đánh bắt, khai thác thủy sản, chế biến nông lâm, thủy sản; các nghề đào tạo để thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng phó với biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường biển.

- Tập trung đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động làm việc ở các trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã. Đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, tiến tới nông nghiệp thông minh hiện đại, trên cơ sở bám vào các sản phẩm là: sản phẩm nông sản quốc gia, đặc sản địa phương.

- Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ nền tảng số vào sản xuất và phân phối các sản phẩm nông nghiệp.

b) Nghề phi nông nghiệp: Tập trung đào tạo các nghề trong lĩnh vực ngành kỹ thuật công nghệ, công nghệ, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ để phát triển công nghiệp phụ trợ, đào tạo theo vị trí việc làm tại doanh nghiệp, làng nghề; đào tạo nghề cho LĐNT vào làm việc trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, xuất khẩu lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

### **III. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC**

#### **1. Mức hỗ trợ chi phí đào tạo**

a) Đối với lao động nông thôn: Người học được hỗ trợ chi phí học nghề theo Quyết định số 79/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức chi phí đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với người khuyết tật: Được hỗ trợ chi phí học nghề theo Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 về việc quy định mức chi phí đào tạo nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại**

a) Đối tượng được hỗ trợ:

- Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm;

- Người khuyết tật (thành thị và nông thôn).

b) Mức hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

- Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

### **IV. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÀO TẠO NGHỀ**

1. Danh mục nghề đào tạo: Phụ Lục 1 kèm theo.

2. Danh sách các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo: Phụ lục 2 kèm theo

### **V. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn

a) Tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dạy nghề cho LĐNT, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ đối với LĐNT tham gia học nghề, để người dân hiểu rõ lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm để tích cực tham gia học nghề, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống.

b) Tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT.

## **2. Khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn.**

a) Tổ chức khảo sát, rà soát, cập nhật thông tin nhu cầu học nghề của người lao động; nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp; năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trên địa bàn; xây dựng danh mục nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của người lao động; tập trung xây dựng mô hình điểm để chỉ đạo, rút kinh nghiệm trong xây dựng mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, đặc biệt nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả.

b) Triển khai nhân rộng các mô hình dạy nghề có hiệu quả trên địa bàn. Ngoài ra, mở rộng thêm những mô hình dạy nghề mới, có hiệu quả để triển khai thí điểm theo hướng gắn đào tạo với sản xuất kinh doanh, tạo việc làm tại chỗ cho người lao động sau khi học nghề.

## **3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập.**

a) Đánh giá lại năng lực đào tạo của các cơ sở GDNN, đặc biệt là các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện để nhằm phát huy hiệu quả đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đã đầu tư.

b) Chỉ đạo các cơ sở GDNN đã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề tích cực, chủ động tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nói chung và LĐNT nói riêng nhằm phát huy tốt hiệu quả đầu tư.

c) Thực hiện việc điều chuyển thiết bị dạy nghề từ những trung tâm giáo dục nghề nghiệp đã được đầu tư nhưng chưa sử dụng hoặc tần suất sử dụng quá thấp cho các cơ sở GDNN công lập đang thực sự có nhu cầu để dạy nghề cho LĐNT.

## **4. Hoạt động phát triển chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề; xây dựng, phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề.**

a) Trên cơ sở chương trình dạy nghề sơ cấp đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Dạy nghề đã ban hành, các cơ sở GDNN tiếp tục chỉnh sửa, biên soạn lại hoặc xây dựng mới chương trình dạy nghề cho phù hợp với ngành nghề thực tế tại địa phương.

b) Tham mưu phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí đào tạo cho một số nghề phù hợp với tình hình thực tế và quy định hiện hành của Nhà nước.

**5. Hoạt động hỗ trợ lao động nông thôn học nghề:** Hỗ trợ dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng.

**6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã:** Thực hiện theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức xã, phường đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020”.

**7. Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện:** Các sở, ngành, địa phương theo chức năng chuyên môn, nghiệp vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại các địa phương và các cơ sở GDNN trong việc tổ chức đào tạo và quản lý, sử dụng kinh phí.

## **VI. KINH PHÍ**

Kinh phí hỗ trợ dạy nghề cho LĐNT năm 2020 từ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 5.200 triệu đồng, được phân bổ như sau:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (tổ chức thực hiện đào tạo nghề phi nông nghiệp): 3.000 triệu đồng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tổ chức thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp): 800 triệu đồng.

3. Sở Nội vụ (đào tạo cán bộ và công chức xã): 200 triệu đồng.

4. Tăng cường cơ sở vật chất đào tạo nghề: 1.200 triệu đồng.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch triển khai thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quá trình triển khai tại các địa phương và các cơ sở đào tạo.

- Trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm về công tác đào tạo nghề cho LĐNT thuộc lĩnh vực ngành nghề phi nông nghiệp.

### 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch triển khai thực hiện đào tạo nghề LĐNT thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### 3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chỉ đạo các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông tăng cường hướng nghiệp cho những học sinh có xu hướng muốn học nghề với những chính sách ưu đãi của Đề án đào tạo nghề cho LĐNT; đẩy mạnh công tác phân luồng cho học sinh vào học tại các cơ sở GDNN.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp huyện tham gia các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho LĐNT theo kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT của từng địa phương.

### 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ sở GDNN và nhóm đối tượng được hưởng chính sách đào tạo, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho LĐNT từ nguồn kinh phí Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các ngành, địa phương thực hiện.

5. **Sở Tài chính:** Hàng năm, căn cứ đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

### 6. Sở Nội vụ:

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh tập trung chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với công việc, đủ năng lực hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

- Đổi mới nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tập trung đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa tiêu chuẩn và trang bị cho cán bộ, công chức xã các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyên môn,

nghiệp vụ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở xã phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

### **7. Sở Công Thương:**

- Làm đầu mối cung cấp thông tin thị trường tiêu thụ hàng hóa, hàng nông sản cho người dân; kết nối, phổ biến chính sách ưu đãi đến các doanh nghiệp, hợp tác xã để cùng tham gia đào tạo nghề, tạo việc làm và tiêu thụ, bao tiêu sản phẩm hàng nông sản, hàng mỹ nghệ...

- Chỉ đạo Trung tâm khuyến công phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế đào tạo nghề, truyền nghề, phát triển các nghề truyền thống ở địa phương gắn với nhu cầu của các cơ sở sản xuất.

**8. Sở Thông tin và Truyền thông:** Phối hợp, chỉ đạo báo, đài phát thanh, truyền hình các cấp đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về công tác đào tạo nghề, các chính sách ưu đãi cho LĐNT học nghề trên địa bàn tỉnh.

**9. Thanh tra tỉnh:** Tăng cường công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại các đơn vị đào tạo đảm bảo đúng theo trình tự, qui định.

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên:**

- Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động đào tạo nghề cho lao động của tỉnh.

- Phối hợp tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề nghiệp; vận động các thành viên của tổ chức tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về đào tạo nghề, việc làm.

**11. Hội Nông dân tỉnh:** Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về học nghề, việc làm; chỉ đạo Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế để đào tạo nghề cho nông dân theo nhu cầu.

**12. Tỉnh đoàn TNCS Hồ Chí Minh:** Tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về học nghề và tạo việc làm cho LĐNT trong Đề án đào tạo nghề cho LĐNT vào các nội dung phù hợp theo các chương trình hoạt động của Tỉnh đoàn.

**13. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh:** Tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về học nghề và tạo việc làm cho lao động nữ nông thôn vào các nội dung hoạt động phù hợp của Hội; chỉ đạo Trung tâm GTVL và DN hội Liên hiệp phụ nữ phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế để đào tạo nghề cho người lao động theo nhu cầu.

### **14. UBND thành phố Huế, các thị xã:**

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, lồng ghép các chương trình đào tạo LĐNT, đào tạo nghề, khuyến công, khuyến nông, giảm nghèo...đảm bảo nâng cao thu nhập cho người lao động, thoát nghèo, giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện tại các địa phương và các cơ sở đào tạo đảm bảo việc học nghề, đào tạo nghề LĐNT đúng đối tượng, mục tiêu của Chương trình; không chạy theo chỉ tiêu số lượng đào tạo mà không giải quyết được việc làm, không nâng cao thu nhập cho người lao động; chủ động nắm tình hình đề xuất điều chỉnh ngành nghề phù hợp theo nhu cầu thực tế học nghề của người lao động tại địa phương.

- Chịu trách nhiệm lựa chọn các cơ sở GDNN đủ điều kiện đào tạo các nghề mà địa phương có nhu cầu để ký hợp đồng đào tạo; báo cáo tình hình thực hiện định kỳ theo yêu cầu của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **15. UBND xã, phường, thị trấn:**

- Tuyên truyền chính sách về đào tạo nghề cho LĐNT để phổ biến đến từng người dân; tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu việc làm và đào tạo nghề trên địa bàn để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT của địa phương.

- Thống kê các đối tượng được hưởng chính sách người có công, bộ đội xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người trực tiếp lao động trong các hộ sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất canh tác và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn đang trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo nghề, có nhu cầu về việc làm và đào tạo nghề để được tư vấn định hướng đào tạo nghề theo quy định.

- UBND các xã có làng nghề truyền thống chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nghề trình UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế để định hướng, phối hợp với các cơ quan liên quan đào tạo khôi phục các nghề. Chủ động phối hợp với các hợp tác xã, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để giới thiệu việc làm cho lao động học nghề.

### **16. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:**

- Chủ động cập nhật, nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo nghề; phối hợp với các cơ sở, chuyên gia đào tạo có uy tín, năng lực hỗ trợ đào tạo nghề LĐNT phù hợp nhu cầu đề xuất của các địa phương, người lao động.

- Chủ động kết nối với các doanh nghiệp trên địa bàn để đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, qua đó giải quyết việc làm cho LĐNT sau khi đào tạo.

## **VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**1.** Căn cứ chức năng nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị, địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện trước ngày 20/05/2020. Báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai trước ngày 05/12/2020 thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

**2.** Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi tổng hợp tình hình thực hiện của các sở, ngành, địa phương về các nội dung của Kế hoạch; báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai các ngành, địa phương trước ngày 10/12/2020.

**3.** Trong quá trình thực hiện, các vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Lao động TBXH;
- CT, PCT Nguyễn Văn Phương;
- Các đơn vị nêu mục VII;
- CVP, PCVP KGVX;
- Lưu VT, TH, XH.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**